

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIỂU 9: KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH CỦA CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NGOÀI
NGÂN SÁCH⁽¹⁾ NĂM 2020**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh Nghệ An)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN QUỸ	DU NGUỒN ĐẾN 31/12/2019	KẾ HOẠCH NĂM 2020				Chênh lệch nguồn trong năm	DU NGUỒN ĐẾN 31/12/2020
			Tổng nguồn vốn phát sinh trong năm (2)		Tổng số sử dụng nguồn vốn trong năm (3)			
			Tổng số	Tr.đó Hỗ trợ từ NSNN (nếu có)	Tổng số	Tr.đó Bỗ sung vốn điều lệ (nếu có)		
A	B	I	2	3	4	5	6=2-4	7
1	Quỹ Bảo trợ trẻ em	1.256	1.300	0	1.250	1.250	50	1.306
2	Quỹ vì người nghèo	3.320	6.000	0	6.000	0	0	3.320
3	Quỹ cứu trợ	1.596	1.000	0	1.000	0	0	1.596
4	Quỹ khuyến học	4.491	600	0	500	0	100	4.591
5	Quỹ nạn nhân chất độc da cam/dioxin tỉnh	407	1.500	0	1.300	0	200	607
6	Quỹ trợ giúp nhân đạo	1.304	750	0	750	0	0	1.304
7	Quỹ đền ơn đáp nghĩa	2.514	1.100	0	1.000	0	100	2.614
8	Quỹ bảo vệ môi trường	20.289	7.500	4.750	4.550	4.550	2.950	23.239
9	Quỹ hỗ trợ nông dân	1.400	19.964	2.500	19.814	2.500	150	1.550
10	Quỹ bảo vệ và phát triển rừng	65.234	118.000	0	118.000	0	0	65.234
11	Quỹ phòng chống thiên tai	24.017	27.000		25.000		2.000	26.017
12	Quỹ bảo trì đường bộ	1.959	139.093	139.093	139.093	0	0	1.959
13	Quỹ hỗ trợ phát triển HTX	0	2.500	2.500	2.500	2.500	0	0

Ghi chú:

- (1) Không bao gồm các quỹ do Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý
- (2) Phạm vi bao gồm vốn thu hồi nợ vay, NSNN cấp, vốn huy động, đóng góp của các tổ chức, cá nhân, thu tài chính quỹ.
- (3) Phạm vi bao gồm cho vay đầu tư; hỗ trợ lãi suất; tài trợ không hoàn lại; chi tài chính quỹ, chênh lệch thu lớn hơn chi quỹ (nếu có).